

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị D, sinh năm 1993, có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 và tại phiên tòa, chị Cao Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/3/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh C không chung thủy dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã sống ly

thân khoảng 04 năm nay. Vì vậy, chị **D** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **C**.

Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 22/01/2018, đang sống với chị **D**. Khi ly hôn, chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu **Q**, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Cao Thị D** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Văn C**. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh **C** có địa chỉ tại **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị **D** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh **C** vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **C** theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị **Cao Thị D** và anh **Nguyễn Văn C** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau** vào ngày 06/3/2018. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị **D** yêu cầu ly hôn với anh **C**. Xét thấy, yêu cầu của chị **D** là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh **C** vắng mặt tại lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị **Cao Thị D** và anh **Nguyễn Văn C** được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 người con chung tên **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 22/01/2018 (giới tính nam), hiện đang sống với chị **D**. Chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị **D** là

có cơ sở. Bởi vì, cháu **Q** đang do chị **D** nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, anh **C** cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị **D**. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu **Q** cho chị **D** nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **D** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** xác định chị và anh **C** không có tài sản chung, nợ chung, không ai yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị **Cao Thị D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Cao Thị D** và anh **Nguyễn Văn C** được ly hôn.
2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 22/01/2018 (giới tính nam) cho chị **D** tiếp tục nuôi dạy. Anh **C** không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **C** không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Cao Thị D** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 07 tháng 3 năm 2024 chị **D** có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016028 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Chị **D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **C** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Lộc Đông;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm